

Bản án số: 08/2026/HS-PT

Ngày: 09-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Hải

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/2025/TLPT-HS ngày 13/11/2025 đối với bị cáo Đỗ Văn A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn A, Phạm Nhật D, Trương Hùng L, Phan Văn P, Triệu Văn Ú và Đỗ Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo, gồm:

1. Đỗ Văn A, sinh ngày 01/01/1983 tại Cà Mau; số CCCD: 096083009064, cấp ngày: 10/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Cao N (đã chết) và bà Tô Thị L1 (đã chết); vợ tên Trần Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/8/2024; bị tạm giam từ ngày 24/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt;

2. Phạm Nhật D, sinh ngày 01/01/2000 tại Cà Mau; số CCCD: 096200008281, cấp ngày: 20/8/2021; nơi cấp: Cục C3 về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp R, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P1 và bà Trần Thị L2; vợ tên Trần Như Ý và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/8/2024; bị tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt;

3. Trương Hùng L, sinh ngày 09/02/2000 tại Cà Mau; số định danh cá nhân: 096200005229; nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hùng L3 và bà

Tô Thị T1; vợ tên Đỗ Thị Gia H1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/8/2024; bị tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt;

4. Phan Văn P, sinh ngày 10/5/1992 tại Cà Mau; số CCCD: 096092004310, cấp ngày: 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp S, xã C, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Oanh L4 và bà Hồ Thị T2; vợ tên Phan Thị C và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/8/2024; bị tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt;

5. Triệu Văn Ú, sinh ngày 01/01/1988 tại Cà Mau; số CCCD: 096088008892, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn Đ và bà Tô Thị G; vợ tên Tô Thị M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2024 đến nay. Bị cáo có mặt;

6. Đỗ Văn H, sinh ngày 12/02/1984 tại Cà Mau; số CCCD: 096084004512, cấp ngày: 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Trần Thị L5; vợ tên Đỗ Mai T3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/8/2024; bị tạm giam từ ngày 22/8/2024 cho đến ngày 07/11/2024 được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị (không được Tòa án triệu tập), gồm: Đặng Văn P2, Nguyễn Văn T4, Lý Vũ K1, Trần Văn H2, Trần Văn Đ1.

- Bị hại (không được Tòa án triệu tập), gồm: Ông Nguyễn Văn N1, ông Mạch Văn N2, ông Đỗ Minh T5, ông Hồng Thi K2, ông Trần Văn S, ông Kim Hoài N3, ông Kim Khánh D1 và ông Trần Văn Đ2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (không được Tòa án triệu tập), gồm: Ông Phan Trường L6 và ông Huỳnh Văn K3.

- Người bào chữa cho bị cáo Ú: Luật sư Huỳnh Công D2 của Văn phòng Luật sư Huỳnh Công D2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024, Đỗ Văn A cùng Trương Hùng L (con rể bị cáo A), Phạm Nhật D, Phan Văn P, Đặng Văn P2, Nguyễn Văn T4, Lý Vũ K1, Triệu Văn Ú, Trần Văn H2, Đỗ Văn H (em rể bị cáo A) và Trần Văn Đ1 (anh vợ bị cáo D) đã thực hiện hành vi tội phạm xảy ra ở địa phận các huyện C, N và P, tỉnh Cà Mau. Cụ thể như sau:

Vụ án xảy ra ở địa phận huyện C

* Vụ thứ nhất:

Khoảng hơn 21 giờ ngày 14/6/2024, Đỗ Văn A rủ Phạm Nhật D và Trương Hùng L dùng vỏ máy (vỏ Composite dài 9,2m và máy xe hiệu ISUZU 4T) của A để đi theo các tuyến sông trên địa bàn huyện C tìm tài sản lấy trộm thì D và L đồng ý.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 15/6/2024, D điều khiển vỏ máy trên chõr A và L đi đến đoạn sông thuộc ấp T, xã T, huyện C thì phát hiện vỏ C1 hiệu Phát Tài dài 8,1m và máy xe hiệu Kubota 1005-76 ly (có gắn bình ắc quy GS N70 dùng để đề máy) của ông Trần Văn Đ2 đậu dưới bến sông nhà của ông Đ2 không có người trông coi nên D tắt máy để A và L dùng dầm bơi đến áp sát với vỏ máy của ông Đ2, D dùng dao cắt dây buộc vỏ rồi cả ba cùng kéo hai vỏ máy rời đi khỏi khu vực nhà ông Đ2 khoảng 200m thì A đi qua vỏ của ông Đ2 khởi động máy nhưng không khởi động được nên A, D và L cùng nhau khiêng máy cùng bình ắc quy của ông Đ2 để qua bên vỏ của A còn chiếc vỏ Composite của ông Đ2 thì thả trôi sông. Sau đó, cả ba chạy đi được một đoạn thì A kêu D tắt máy dừng lại trên một đoạn sông cùng nhau tháo rời đầu máy xe đã trộm của ông Đ2 ra khỏi dàn cầu máy. Khoảng 02 giờ sáng cùng ngày, cả ba tháo xong thì A gọi điện thoại cho Phan Văn P kêu bán cái máy vừa trộm được, P biết rõ đây là tài sản do A trộm cắp mà có nhưng nghĩ giá bán sẽ rẻ hơn giá thị trường nên đồng ý mua để sử dụng. Phận kêu A đem máy qua nhà Nguyễn Thanh P3 (B) là anh rể của Phận ở ấp S, xã N, huyện P để Phận gửi máy. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, P đến nhà của P3 gặp A, D và L nhận máy (bao gồm đầu máy, bộ dàn cầu bằng inox có gắn chân vịt). Sau đó, cả ba khiêng giúp Phận lên nhà của P3 gửi, P3 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có.

Đến ngày 16/6/2024, Phận đến nhà P3 lấy cái máy đã mua của A về sử dụng. Đến ngày 19/6/2024, Phận đến nhà A thỏa thuận mua máy trên với giá 8.000.000 đồng nhưng A cho Phận nợ. Khoảng tháng 7/2024, P điều khiển phương tiện có gắn cái máy mua của A đi sang nhà An chơi thì bị gãy láp máy nên Phận gửi phương tiện lại nhà của A. Đối với bình ắc quy (loại GS N70), A đem về nhà sử dụng bị hư hỏng nên đã bán phế liệu được 350.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

+ 01 đầu máy xe hiệu Kubota 1005 (76 ly) màu xanh, không nhông, dàn cầu I, có giá trị 12.000.000 đồng.

+ 01 bình ắc quy D326123210170, loại GSN 70 có giá trị 1.757.500 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTXTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 vỏ Composite hiệu Phát Tài, dài 8,1m, màu xanh trắng, có giá trị 6.050.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của ông Trần Văn Đ2 bị chiếm đoạt là 19.807.500 đồng.

Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P khám xét khẩn cấp nhà của A đã thu giữ 01 đầu máy xe hiệu Kubota 1005, 76 ly, sơn màu xanh được đặt trong 01 vỏ Composite. Khám xét tại nhà Phận thu giữ 01 dàn cầu bằng inox được gắn với 01 đầu máy hiệu Kubota khác. Đầu máy và dàn cầu này của ông Đ2 nên cơ quan CSĐT - Công an huyện P bàn giao cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện C. Ngày 11/11/2024, cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã trả lại cho ông Đ2. Đối với vỏ Composite thả trôi sông thì ông Đ2 đã tìm lại được. Đối với bình ắc quy khi bị mất đã cũ nên ông Đ2 không yêu cầu.

* Vụ thứ hai:

Vào đêm ngày 25/6/2024, Phạm Nhật D đến nhà Đỗ Văn A thì A tiếp tục rủ D và Trương Hùng L sử dụng vỏ máy của A để đi theo các tuyến sông trên địa bàn huyện C để chiếm đoạt tài sản của những người xiết tôm, cá trên sông thì D và L đồng ý.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L điều khiển vỏ máy chở A, D. Khi đi, A cùng L mặc áo dân quân tự vệ và mang theo 01 bình xịt hơi cay, 01 cây dao (đã để sẵn ở phương tiện). Khoảng hơn 00 giờ ngày 26/6/2024, khi cả ba đi đến kênh xáng Rau Dừa - P đoạn ấp L, xã P, huyện C thì phát hiện ông Kim Khánh D1 đang ngồi trên vỏ Composite hiệu Thành Tân dài 5,1m màu xanh có gắn máy nổ nhãn hiệu GB460E để xiết tôm cá. Lúc này, ông Khánh D1 phát hiện vỏ máy của A, D1 và L chạy đến, sợ là lực lượng Công an tuần tra nên ông Khánh D1 điều khiển vỏ máy bỏ chạy thì nhóm của A đuổi kịp, D1 dùng bình hơi cay xịt vào người của ông Khánh D1, cầm cây dầm gỗ đánh trúng vào người ông Khánh D1 01 cái và trúng vào cái máy của ông Khánh D1 đang điều khiển 01 cái làm máy bị tắt. Sau đó, D1 cùng L kéo phương tiện của ông Khánh D1 áp vào phương tiện của A và nói “ai cho mày xiết, có biết là cấm xiết không, mấy thằng tao rình mấy thằng mày mấy bữa rày rồi” để ông Khánh D1 lầm tưởng là lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ mà không dám phản kháng, L và D1 đi qua phương tiện của ông Khánh D1. D1 trực tiếp tháo lấy 01 bộ xiết điện tự chế (Pin L + Hộp kích điện) bỏ qua vỏ máy của A. Đồng thời, buộc ông Khánh D1 đi lên bệ chân cầu L (ở giữa sông) ngồi, D1 và L khiêng cái máy nổ có số máy GB460E của ông Khánh D1 bỏ qua vỏ máy của A và lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y21 màu xanh của ông Khánh D1 để dưới vỏ. Khi lấy xong tài sản, L tiếp tục xịt hơi cay vào người của ông Khánh D1 để ngăn ông Khánh D1 phản kháng, truy hô và kéo chiếc vỏ của ông Khánh D1 đi một đoạn khoảng 10m thì bỏ cho trôi tự do trên sông.

Sau đó, A điều khiển phương tiện chở cả nhóm đi về hướng thị trấn C. Đến khoảng 01 giờ sáng cùng ngày, khi đi đến đoạn sông K thuộc ấp L, xã H, huyện C thì tiếp tục phát hiện ông Kim Hoài N3 điều khiển vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 5,1m và máy Honda 13.0HP, trên vỏ có chở theo dụng cụ xiết tôm cá (pin L7 và hộp kích điện, 01 cây vợt xiết, 10m dây điện) chạy cùng chiều phía trước. Nghe tiếng phương tiện, sợ lực lượng Công an đi tuần tra nên ông N3 tăng ga bỏ chạy thì nhóm của A đuổi kịp, D1 cầm cây dầm gỗ đánh liên tiếp 03 cái trúng vào người và máy mà ông N3 đang điều khiển làm máy bị tắt, ông N3 hoảng sợ và lầm tưởng là lực lượng Công an nên đưa hai tay ôm đầu và nói “Mấy anh bắt tôi thôi, chứ làm gì đánh dữ vậy”, L kêu ông N3 tháo bộ xiết điện tự chế (pin L7 và hộp kích điện) trên vỏ của ông N3 ra để D1 và L khiêng để qua phương tiện của A, L lấy điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 Pro của ông N3 đang để trên vỏ và cùng với D1 khiêng cái máy hiệu Honda 13.0Hp của ông N3 để qua vỏ máy của A. Trước khi rời đi, L dùng bình hơi cay xịt vào người của ông N3 và kéo chiếc vỏ của ông N3 đi một đoạn khoảng 10m thì bỏ cho trôi tự do trên sông nhằm ngăn ông N3 phản kháng hoặc truy hô. Khi có được tài sản, A điều khiển phương tiện chở D1 và L về huyện P nhưng đến thị trấn C thì A giao cho L điều khiển vỏ máy. Do bình xăng của máy GB460E bị móp, biến dạng nên A kêu D1 và L tháo ra vứt bỏ xuống sông.

Lúc này, A gọi điện thoại cho Triệu Văn Ú kêu bán máy vừa cướp được thì Ú đồng ý và hẹn gặp tại ngã ba L thuộc ấp L, xã P, huyện P. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, Ú bơi vỏ ra ngã ba L gặp A, L và D1, Ú thấy trên vỏ của A có 02 bộ xiết

điện, 02 máy nổ (01 cái tháo rời không có bình xăng hiệu GB460E, 01 cái có bình xăng nhưng bình xăng đã móp méo hiệu Honda 13.0HP), Ú biết tài sản trên vỏ máy do A trộm cắp mà có và A chỉ 02 cái máy trên vỏ cho Ú chọn, Ú chọn mua cái máy Honda 13.0HP với giá 6.000.000 đồng nhưng cho Ú nợ lại. Đồng thời, A gửi máy GB460E nhờ Ú giữ giúp nên Ú đồng ý. Sau khi mua được tài sản, do bình xăng máy Honda 13.0HP bị trầy xước nên Ú dùng sơn màu trắng xám sơn lại để sử dụng.

Sau khi bán máy cho Ú xong, L điều khiển vỏ máy chở A và D1 về nhà trọ của D1 tại chợ P5 thuộc xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Cả ba cùng nhau khiêng 02 bộ xiết điện tự chế (pin L7 và hộp kích điện) lên phòng trọ của D1 cất giấu, A lấy điện thoại hiệu Oppo Reno 4 Pro, D1 lấy điện thoại hiệu Vivo Y21 sử dụng. Đến ngày 29/6/2024, D1 đem 02 bộ xiết điện tự chế (pin L7 và hộp kích điện) bán cho 01 người tên P4 (chưa xác định được lý lịch, nhân thân) với giá 16.000.000 đồng. D1 tiếp tục qua nhà Ú lấy cái máy hiệu GB460E để bán cho Huỳnh Văn K3 với giá 6.000.000 đồng (K3 không biết máy này do trộm cắp mà có). Đến khoảng đầu tháng 7/2024, Ú đã trả cho A số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại 3.000.000 đồng. Sau khi tiêu thụ được tài sản, D1 đưa tất cả số tiền 22.000.000 đồng cho A, D1 được chia 3.200.000 đồng, còn lại 18.800.000 đồng A cất giữ, tiêu xài cá nhân mà không chia cho L.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Cà Mau kết luận:

+ 01 máy nổ động cơ xăng hiệu GB460E, mã số 230130ZA0069, không nhông, dàn cầu I, chân vịt 02 chia, có giá trị 12.600.000 đồng.

+ điện thoại di động hiệu Vivo Y21 màu xanh, có giá trị 2.467.500 đồng.

+ 01 sim điện thoại (loại sim V), có giá trị 20.000 đồng.

+ 01 máy nổ động cơ xăng 13.0Hp, không nhông, dàn cầu I, chân vịt 02 chia, có giá trị 8.775.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Renno 4 màu trắng, có giá trị 3.147.000 đồng.

+ 01 sim điện thoại (loại sim V), có giá trị 20.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTXTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 (một) keo nhựa loại 01kg, có giá trị 10.000 đồng.

- Đối với 02 bộ xiết điện (Pin L + hộp kích điện): Do không có tài sản, không xác định được thông số kỹ thuật nên ngày 23/8/2024, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện C có Công văn số 01/HĐĐG từ chối, không định giá đối với loại tài sản này.

Như vậy, tổng giá trị tài sản anh Khánh D1 bị chiếm đoạt là 15.097.500 đồng, của ông N3 là 11.942.000 đồng.

- Đối với vỏ máy của Kim Hoài N3 và Kim Khánh D1 bị trả sông thì cả hai đã tìm lại được.

+ Ngày 17/8/2024, khám xét nhà của Huỳnh Văn K3 thu giữ: 01 máy nổ có số máy GB460E 230130ZA0069, không có bình xăng, gắn dàn cầu I, chân vịt 02 chia. Ngày 11/11/2024, cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho anh Khánh D1. Anh Khánh D1 yêu cầu A, D1 và L bồi thường bộ xiết 30.000.000 đồng, điện thoại, keo mũ theo định giá 2.497.500 đồng.

+ Ngày 16/8/2024, khám xét khẩn cấp nhà Triệu Văn Ú thu giữ: 01 máy nổ Honda 389cm3, QHTN-GCBĐT-2178024, dàn cầu bằng kim loại, bình xăng màu xám bị móp góc bên phải, chân vịt màu trắng có chữ TP, chân vịt loại 02 cánh. Ngày 11/11/2024, cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho ông N3. Hiện ông N3 yêu cầu A, D1 và L bồi thường bộ xiết 20.000.000 đồng, điện thoại di động 5.000.000 đồng.

* Vụ thứ ba:

Ngày 04/8/2024, Phạm Nhật D, Đặng Văn P2 và Nguyễn Văn T4 gặp nhau tại khu vực chợ xã P, huyện P. D và T4 thống nhất là khi nào D trộm được máy nổ thì đem về cho T4 kiểm chỗ bán, T4 sẽ được chia từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/máy.

Khoảng 22 giờ ngày 08/8/2024, P2 điều khiển vỏ Composite hiệu Tiên Đạt và máy nổ hiệu GB22HP của P2 đến khu vực cống Cái Chim thuộc ấp C, xã T, huyện C rước D. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 09/8/2024, khi cả hai đi đến đoạn sông thuộc ấp N, xã T, huyện C thì phát hiện dưới bên sông nhà của ông Trần Văn S có đậu nhiều vỏ máy, không có người trông coi nên cả hai thống nhất lấy trộm, P2 tắt máy còn D dùng dầm bơi đến chỗ các vỏ máy đang đậu, D đi sang vỏ máy rồi khiêng 01 cái máy Mitsubishi 6.0HP chuyển qua cho P2. Sau đó, D tiếp tục cắt dây buộc của 01 vỏ máy khác kéo ra phía ngoài và khiêng tiếp cái máy Honda 13.0HP chuyển cho P2, cây dầm D bỏ quên trên vỏ của ông S.

Trên đường về, D gọi điện cho T4 báo đã trộm được 02 máy, kêu T4 chuẩn bị nơi cất giấu. Khi đến nhà T4, D và P2 khiêng 02 cái máy trộm được vào nhà nấu rượu ở phía sau nhà của T4. T4 có hỏi D “lấy trộm máy ở đâu” thì D nói “gần chợ C4”. Sau khi cất giấu xong, P2 điều khiển phương tiện đi về nhà, còn D ở lại nhà T4 ngủ.

Đến ngày 11/8/2024, Lý Vũ K1 đến nhà T4 chơi, T4 nói cho K1 biết việc D mới đi lấy trộm được 02 máy nổ, hiện T4 đang cất giấu, trong đó có 01 máy nổ Honda 13.0HP còn mới thì K1 đồng ý mua nên T4 điện thoại bàn bạc với D và thống nhất bán cho K1 với giá 4.000.000 đồng. Do chân bị đau nên K1 không mang máy về nhà được mà nhờ T4 giữ giúp và nhờ T4 tháo mặt nạ, bình xăng của máy Honda 13.0HP ra, đem cất ở chòi dưới mé sông của ông Nguyễn Ngọc A1 (cha ruột T4), chờ ngày sơn lại còn dàn cầu và đầu máy Honda 13.0HP, K1 vẫn cất giấu ở nhà nấu rượu của ông Ngọc A1, tiền mua máy T4 cho K1 nợ lại.

Đến ngày 13/8/2024, nghe tin D bị Công an huyện P mời làm việc, lo sợ bị phát hiện nên T4 tháo rời các bộ phận của máy Mitsubishi 6.0HP ra. Mặt nạ, dàn cầu, bình xăng T4 đem ra phía sau nhà ông Ngọc A1 cất giấu, còn đầu máy T4 đem gửi nhà cậu ruột tên Lê Văn T6. Đối với máy Honda 13.0HP, T6 đem bình xăng, dàn cầu, mặt nạ ra phía sau nhà ông Nguyễn Ngọc A1 cất giấu và kêu con trai là Nguyễn Chí D3 cùng P2 đến chở đầu máy qua nhà K1 ở ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau để giao cho K1.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

+ 01 máy nổ động cơ xăng hiệu Honda 13.0HP, bình xăng màu trắng, mặt nạ máy màu đỏ, dàn cầu I, chân vịt 03 chia có giá trị 6.000.000 đồng.

+ 01 máy nổ động cơ xăng hiệu Mitsubishi 6.0HP, bình xăng màu đỏ, mặt nạ máy màu đỏ, dàn cầu I, chân vịt 03 chia có giá trị 6.600.000 đồng.

Tổng giá trị là 12.600.000 đồng.

- Ngày 15/8/2024, cơ quan CSĐT - Công an huyện C khám xét nhà Lý Vũ K1 thu giữ: 01 bong máy (thân máy nổ Honda) trong tình trạng đã được tháo dỡ và không có bình xăng, không có mặt nạ máy, chụp giạt máy, trên máy có các thông số sau: HONDA 389cm3, LHB5, GCBĐT-1470467, có phần ti nhớt phía bên lỗ ống khói bị gãy nửa nhưng chưa gãy hẳn.

- Ngày 14/8/2024 và 15/8/2024, ông Nguyễn Ngọc A1 giao nộp: 01 dàn cầu máy nổ bằng kim loại màu trắng, có gắn 01 lớp, 01 chân vịt 03 chia; 01 bình xăng màu cam, trên bình xăng có dán chữ SF50, có gắn nắp màu đen; 01 dàn cầu máy nổ bằng kim loại màu trắng, có gắn lớp máy và chân vịt loại 03 chia, có 01 chia chân vịt bị mẻ phần đầu; 01 mặt nạ máy nổ, sơn màu đỏ; 01 chụp giạt máy nổ, màu sơn đỏ, có chữ Honda GX; 01 bình xăng máy nổ, sơn màu trắng, có gắn nắp bình.

- Ngày 14/8/2024, ông Lê Văn T6 giao nộp: 01 lốc máy (thân máy) trong tình trạng bị tháo dỡ, có gắn mặt nạ sơn màu đỏ, chụp giạt có chữ OHV GM1812, không có bình xăng, trên lốc máy có ghi các thông số: Phía bên ti nhớt có các ký tự 0.781L, phía bên phần ống khói có các ký tự MADE-IN-JAPAN.

Ngày 23/9/2024, cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã trả lại cho ông Trần Văn S tất cả các tài sản đã tạm giữ trên. Đối với vỏ bị trôi thì ông S đã tìm lại được. Hiện ông S không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Vụ án xảy ra ở huyện N

Khoảng 18 giờ ngày 12/06/2024, Phạm Nhật D đến nhà của Đỗ Văn A rủ A đi trộm cắp tài sản thì A đồng ý. Do Trương Hùng L đang ở tại nhà A nên khoảng 22 giờ cùng ngày, A và D rủ thêm L đi cùng, A chạy vỏ máy của A để chở D và L đi theo hướng P về N. Khi đi đến đoạn kênh thuộc khóm E, thị trấn N, huyện N thì A phát hiện ca nô có vỏ Composite màu trắng viền xanh, số đăng ký CM 006.56, máy ca nô 115CV hiệu YAMAHA màu xám của ông Hồng Thi K2 đang đậu dưới kênh không có người trông coi nên cả nhóm thống nhất trộm tài sản này, A tắt máy và dùng dầm bơi đến chỗ đậu ca nô, dùng dao đã chuẩn bị sẵn cắt dây mũi, dây lái canô rồi dùng vỏ máy xe buộc dây kéo vỏ máy canô đi được khoảng 04km. Đến đoạn Kênh Cóc thuộc ấp T, xã Đ, huyện N thì ghé vào mé kênh. A, D, L trực tiếp dùng tay cầm chìa khoá để mở lấy máy canô 115CV, 02 bình xăng hiệu YAMAHA, loại 30 lít màu đỏ bằng nhựa; 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 75 Ampe và vô lăng của ca nô chuyển qua vỏ máy của A rồi chạy đi, bỏ lại vỏ ca nô đậu cặp mé kênh tại đó.

Đến 02 giờ 52 phút sáng ngày 13/6/2024, trên đường chạy về, A điện thoại cho Đỗ Văn H để nhờ gửi đầu máy trong căn chòi trống tại ao tôm công nghiệp của H thuộc ấp L, xã P, huyện P. H nghi ngờ đó là tài sản trộm cắp nhưng chưa biết là đầu máy ca nô nên đồng ý. Sau đó, A, D, L chạy vỏ máy xe đến cất giấu máy canô 115CV, vô lăng trong căn chòi trống của H, còn bình ắc quy, bình xăng A đem về cất giấu tại nhà của A. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 13/6/2024, H lên chòi thấy đầu máy ca nô, biết A lấy trộm đầu máy ca nô nhưng vì tình nghĩa với A nên vẫn nhận giữ.

Sau khi phát hiện mất vỏ máy ca nô, ông K2 nhờ người bạn là Nguyễn Thanh T7 ở cùng xóm dò hỏi thì biết được người lấy trộm vỏ máy ca nô ở huyện P, tỉnh Cà Mau nên liên hệ xin chuộc lại máy ca nô, 02 bình xăng, bình ắc quy, vô lăng với số tiền 20.000.000 đồng thì A đồng ý cho K2 chuộc lại vào ngày 14/6/2024. Số tiền

này, A giữ 12.000.000 đồng, chia cho L và D mỗi người 4.000.000 đồng. Các bị cáo đã tiêu xài hết, riêng vỏ ca nô các bị cáo cột dây bỏ lại tại nơi thảo gở máy, được người dân phát hiện trình báo, lực lượng Công an tạm giữ.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N kết luận:

Tại thời điểm ngày 13/6/2024: 01 vỏ ca nô Composite màu trắng, viền xanh, rộng 2m, dài 5,4m, số đăng ký CM-00656; 01 máy ca nô 115CV hiệu Yamaha màu xám; 02 bình xăng hiệu Yamaha, loại 30 lít, màu đỏ, bằng nhựa; 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 75 Ampe. Tổng giá trị tài sản qua định giá là 46.667.000 đồng.

- Tại Kết luận định giá số: 140/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh C kết luận:

Tại thời điểm ngày 13/6/2024: 01 máy ca nô hiệu Yamaha 115V: Giá bình quân 75.000.000 đồng, giá trị còn lại 20% là 15.000.000 đồng; 01 vô lăng tay lái: Giá bình quân 4.500.000 đồng, giá trị còn lại 20% là 900.000 đồng. Tổng cộng 15.900.000 đồng.

- Ngày 28/11/2024, cơ quan CSĐT - Công an huyện N đã trả cho ông K1: 01 vỏ ca nô Composite màu trắng, viền xanh, rộng 2m, dài 5,4m, số đăng ký CM-00656; 01 máy ca nô 115CV hiệu Yamaha màu xám; 02 bình xăng hiệu Yamaha, loại 30 lít, màu đỏ, bằng nhựa; 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 75 Ampe.

Vụ án xảy ra ở huyện P

* Vụ thứ nhất:

Biết Trần Văn H2 có nhu cầu mua máy xe cũ, Đỗ Văn A nảy sinh ý định trộm máy bán cho H2 kiếm tiền tiêu xài nên khoảng 23 giờ ngày 26/5/2024, A rủ Trương Hùng L, Phạm Nhật D cùng đi lấy trộm. Trên đường đi đến tuyến sông thuộc ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau thì phát hiện 01 chiếc vỏ Composite dài 9,2m hiệu Vạn Nam và máy xe 4T88 của ông Đỗ Minh T5 neo đậu bên sông không người trông giữ nên cả nhóm thống nhất trộm vỏ máy này, A tắt máy bôi lại thấy vỏ máy bị khóa bằng dây xích nên lấy kìm thủy lực (đã chuẩn bị sẵn) đưa D cắt đứt dây xích, D điều khiển vỏ máy trộm được, A điều khiển vỏ máy của A cùng chạy ra cửa biển S, xã N. Sau đó, A điện thoại rủ Phan Văn P đi cùng với mục đích nhờ Phận giúp nhóm của A khiêng máy trộm qua vỏ của A thì P đồng ý. Khi chạy ra biển khoảng 2km thì gặp D đang neo đậu vỏ máy, A có nói cho Phận biết vỏ máy lấy trộm mà có và cả 4 người dùng chìa khóa tháo rời máy xe 4T88 ra làm ba bộ phận gồm: Cây láp, dàn cung, đầu máy rời cùng nhau khiêng qua vỏ của A. Sau đó, cả 04 người nhận chìm vỏ trộm xuống biển nhằm tránh bị phát hiện rồi cùng về. Trên đường về, A điện thoại cho Trần Văn H2 kêu bán máy. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 27/5/2024, A chạy vỏ máy về đến nhà H2, H2 xem máy thống nhất mua giá 20.000.000 đồng. Sau đó, A đã chia cho D, L mỗi người 4.000.000 đồng còn A giữ 12.000.000 đồng, số tiền này đã tiêu xài cá nhân hết.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG, ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận vào ngày 27/5/2024: 01 vỏ Composite hiệu Vạn Nam, dài 9m2, có giá trị là 25.941.000 đồng; 01 máy xe 4T (bao gồm đầu máy, láp, bộ lược, chụp bộ, bình nước ngọt), có giá trị là 73.244.500 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 99.185.500 đồng.

- Ngày 14/8/2024, H2 giao nộp: 01 máy xe, loại 4T, số máy 4TNE88-RA1C 10652, gắn với giàn cầu, lắp máy, chân vịt loại 3 cánh bằng kim loại. Ngày 12/9/2024, cơ quan CSĐT - Công an huyện P đã trả lại cho ông T5.

Ngày 06/12/2024 ông T5 đã nhận tiền bồi thường vô Composite là 25.941.000 đồng. Số tiền này do A, L và D tác động gia đình khắc phục (Trần Thị T - vợ A khắc phục 6.486.000 đồng, Phan Thị L8 - chị P khắc phục 6.485.000 đồng, Đỗ Thị Gia H1 - vợ L8 khắc phục 6.485.000 đồng, Trần Thị L2 - mẹ D khắc phục 6.485.000 đồng). Ngoài ra, A cùng D, L8 còn tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng (Ngày 06/12/2024, bà T nộp 12.000.000 đồng, bà L2 nộp 4.000.000 đồng, bà H1 nộp 4.000.000 đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P chuyển vào tài khoản số 3949.0.9058744.00000 tại Kho bạc chờ xử lý.

* Vụ thứ hai:

Do thường đi ngang nhà kho nuôi tôm công nghiệp của ông Mạch Văn N2 ở ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên Phan Văn P biết trong nhà kho có nhiều tài sản. Vì vậy, P rủ Đỗ Văn A lấy trộm bán kiếm tiền tiêu xài thì A đồng ý nên vào khoảng 23 giờ ngày 01/8/2024, A rủ thêm Phạm Nhật D, Trương Hùng L. Khi đi, A điều khiển vô máy chở P, D và L cùng đi. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 02/8/2024, khi đến gần bên sông nhà ông N2 thì P kêu A dừng phương tiện là và cùng đi lên nhà ông N2 lấy được 13 cái motor, 02 cái superland (máy tạo oxy), 06 can chứa 180 lít dầu rồi chạy vô về. Khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, A điện thoại cho em rể Đỗ Văn H ở ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nhờ giữ dùm số tài sản vừa trộm được thì H đồng ý (Hận biết đây là tài sản do phạm tội mà có). Khi đến nơi, cả 04 người cùng khiêng motor, superland (máy tạo oxy) cất giấu trong chòi của H, còn 06 can dầu đem về A sử dụng 05 can, Phận sử dụng 01 can.

Khoảng 02 ngày sau, nghe tin Công an đang tìm kiếm tang vật của vụ trộm, sợ bị phát hiện nên A, P, D và L tìm cách tẩu tán tài sản đi nơi khác, D nói có chỗ khác gửi nên cùng ngày P và L chạy xe máy đến nhà H đem motor để cặp mé sông, đến khuya L điều khiển vô máy của A chở D đến lấy motor chạy về hướng C. Khoảng 05 giờ sáng ngày 05/8/2024, D điện thoại cho anh vợ là Trần Văn Đ1 ở khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau để gửi thì Đ1 đồng ý và kêu để ở rạp xuồng cặp mé sông trước nhà. Khi thấy số lượng nhiều Đón hỏi D motor ở đâu mà có thì D nói mới lấy trộm được mấy cái. Sáng cùng ngày, H ra chòi phát hiện còn 02 cái superland lo sợ bị phát hiện nên đã đem cất giấu ở chòi vuông.

Ngày 13/8/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện P đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của H thu giữ 02 cái superland, chỗ ở của Đón thu giữ 15 cái motor.

Đối với 15 cái motor bị thu giữ của Đón thì ông N2 xác định có 13 cái là của N2 còn lại 01 cái motor hiệu MITSU, loại 2.0 HP và 01 cái motor, không rõ hiệu, công suất thì không phải của N2. A, P, D và L xác định không rõ lý do vì sao dư 02 motor trên, H cũng không bị mất motor khi nhóm của A đem đi nơi khác, Đ1 xác nhận 15 motor thu tại chòi là của D gửi. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã thông báo truy tìm chủ sở hữu và ban hành quyết định tách vật chứng để xử lý sau.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐG ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận vào ngày 02/8/2024: 13 cái motor các loại, có giá trị là 41.846.310 đồng; 02 cái superland

(máy tạo oxy), loại 8.0 HP, có giá trị là 26.541.000 đồng; 180 lít dầu DO, có giá trị là 3.684.600 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 72.071.910 đồng.

Ông N2 đã nhận lại 13 cái motor, 02 cái superland và 06 cái can (05 cái của A, 01 cái của Phận bị thu giữ qua khám xét khẩn cấp). Đối với 180 lít dầu ông N2 yêu cầu bồi thường theo định giá 3.684.600 đồng. Ngày 06/12/2024, Trần Thị T - vợ A khắc phục 150 lít dầu số tiền 3.070.000 đồng; Phan Thị L8 - chị ruột Phận khắc phục 30 lít số tiền 614.000 đồng (Số tiền này do A, P, D và L8 tác động gia đình nộp). Ông N2 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

* Vụ thứ ba:

Đỗ Văn A phát hiện ở khu vực cầu Đ thuộc ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau có nhiều lú huế đặt dưới sông nên nảy sinh ý định lấy trộm bán kiếm tiền tiêu xài. Khoảng 19 giờ ngày 12/8/2024, A rủ Phạm Nhật D cùng đi, A điều khiển vỏ máy chở D đến khu vực cầu Đ thì dừng lại, D dùng dây neo rà tìm phát hiện dây lú của ông Nguyễn Văn N1 đặt. D đứng mũi vỏ kéo lú, A đứng giữa vỏ cắt và sắp từng cái lú vào vỏ cho đến khi hết dây lú, tổng cộng được 71 cái lú. Sau đó, cả hai chở về nhà thì bị Công an xã T và Công an huyện P phát hiện thu giữ tang vật, A bỏ chạy còn D bị tạm giữ. Đến ngày 14/8/2024, A ra đầu thú.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 71 cái lú huế, loại lú 32 vành, dài 9,8m có giá trị 23.059.806 đồng.

Hiện ông N1 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 25/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt là 17 năm tù;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo D và L8, mỗi bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của các tội, mỗi bị cáo phải chấp hành hình phạt là 16 năm 06 tháng tù;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt là 05 năm 06 tháng tù;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ú 09 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt là 01 năm 06 tháng tù;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 01 năm 09 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với các bị cáo còn lại, xử lý về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 06/10/2025, bị cáo H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 07/10/2025, các bị cáo A, L8, D, P, Ú kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau trình bày: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 36/2025/HS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Ú trình bày: Bị cáo Ú có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thời hạn tù bị cáo phải chấp hành không còn nhiều, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Văn A, Phạm Nhật D, Trương Hùng L, Phan Văn P, Triệu Văn Ú và Đỗ Văn H thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể:

[1.1] Đối với các bị cáo Đỗ Văn A, Phạm Nhật D và Trương Hùng L:

[1.1.1] Đối với bị cáo Đỗ Văn A: Bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, gồm: (1) 01 vỏ Composite hiệu Phát Tài dài 8,1m, 01 máy xe hiệu Kubota 1005-76 ly (có gắn bình ắc quy GS N70 dùng để đề máy) của ông Trần Văn Đ2 tại ấp T, xã T, huyện C (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau) vào ngày 14/6/2024; (2) 01 vỏ Composite màu trắng viền xanh có số đăng ký CM 006.56, 01 máy ca nô 115CV hiệu YAMAHA màu xám, 02 bình xăng hiệu Yamaha loại 30 lít, màu đỏ, bằng nhựa và 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 75 Ampe của ông Hồng Thi K2 tại khóm E, thị trấn N, huyện N vào ngày 12/6/2024; (3) 01 chiếc vỏ Composite dài 9,2m hiệu Vạn Nam và máy xe 4T88 của ông Đỗ Minh T5 tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 26/5/2024; (4) 13 cái motor, 02 cái superland (máy tạo oxi), 06 can chứa 180 lít dầu DO của ông Mạch Văn N2 tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/8/2024 và (5) 71 cái lú huế, loại lú 32 vành, dài 9,8m của ông Nguyễn Văn N1 tại ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau) vào ngày 12/8/2024. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 260.791.716 đồng;

[1.1.2] Đối với bị cáo Phạm Nhật D: Bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, trong đó bị cáo thực hiện cùng các bị cáo L, A thực hiện 04 vụ, gồm các tài sản của ông Đỗ Minh T5, ông Hồng Thi K2, ông Trần Văn Đ2 và ông Mạch Văn N2 được nêu tại tiểu mục [1.1.1], 01 vụ chiếm đoạt tài sản của ông

Nguyễn Văn N1 cùng với bị cáo A và 01 lần chiếm đoạt tài sản cùng với bị cáo Đặng Văn P2 gồm: 01 máy nổ hiệu Honda 13.0HP, 01 máy nổ hiệu Mitsubishi 6.0HP của ông Trần Văn S tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau). Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 273.391.716 đồng;

[1.1.3] Đối với bị cáo Trương Hùng L: Bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản cùng với bị cáo A và bị cáo D, gồm: Các tài sản của ông Đỗ Minh T5, ông Hồng Thi K2, ông Trần Văn Đ2 và ông Mạch Văn N2 như nêu tại tiểu mục [1.1.1]. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 237.731.910 đồng.

[1.1.4] Ngoài thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản nêu tại các tiểu mục [1.1.1], [1.1.2] và [1.1.3] nói trên, khoảng hơn 00 giờ ngày 26/6/2024, bị cáo A cùng bị cáo D và bị cáo L điều khiển vỏ máy của bị cáo A chạy đến kênh xáng Rau Dừa - P đoạn ấp L, xã P, huyện C thì phát hiện ông Kim Khánh D1 đang ngồi trên vỏ Composite hiệu Thành Tân dài 5,1m màu xanh có gắn máy nổ nhãn hiệu GB460E để xiết tôm cá nên các bị cáo thực hiện hành vi rượt đuổi ông Khánh D1 trên sông, dùng cây dầm gỗ đánh vào người và máy ông Khánh D1 đang chạy, dùng bình xịt hơi cay xịt vào người ông Khánh D1 để không chế chiếm đoạt tài sản gồm: 01 bộ xiết điện tự chế (Pin L + Hộp kích điện), 01 cái máy nổ hiệu GB460E, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y21 màu xanh. Sau khi lấy được tài sản đến khoảng 01 giờ cùng ngày, trên đường đi đến đoạn sông K thuộc ấp L, xã H, huyện C, các bị cáo tiếp tục phát hiện ông Kim Hoài N3 điều khiển vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 5,1m và máy Honda 13.0HP chạy cùng chiều phía trước nên cùng nhau thực hiện hành vi rượt đuổi ông N3 trên sông, dùng cây dầm gỗ đánh liên tiếp vào người và máy của ông N3 đang chạy để không chế chiếm đoạt tài sản gồm: 01 máy nổ hiệu Honda 13.0HP, 01 bộ dụng cụ xiết tôm cá (pin L7, hộp kích điện, 01 cây vọt xiết và 10m dây điện), 01 điện thoại di động hiệu Oppo Renno 4 màu trắng. Tổng trị giá tài sản, cả ba bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 27.039.500 đồng.

[1.1.5] Với các tình tiết nêu trên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử bị cáo A về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 và tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo D1 về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 và tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo L về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 và tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[1.2] Đối với bị cáo Phan Văn P: Bị cáo đã 01 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản cùng với các bị cáo A, D1 và L vào khoảng 01 giờ ngày 02/8/2024 tại nhà ông Mạch Văn N2, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 72.071.910 đồng và thực hiện 02 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể: Sau khi các bị cáo A, D1 và L lấy được chiếc vỏ Composite cùng máy xe 4T88 của ông Đỗ Minh T5 tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 26/5/2024 đưa cho bị cáo D1 điều khiển chạy ra cửa biển S thuộc xã N, bị cáo A điện thoại và rước bị cáo P đi cùng ra tháo máy vừa trộm được thành các bộ phận riêng lẻ để mang đi tiêu thụ. Tuy không hứa hẹn trước nhưng bị cáo P biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng vẫn giúp sức cho bị cáo A và nhân chìm vỏ Composite của ông T5 xuống biển nhằm che dấu hành vi tội phạm của bị

cáo A cùng đồng phạm. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 15/6/2024, bị cáo P tuy biết rõ máy xe hiệu Kubota 1005-76 ly do phạm tội mà có, nhưng do ham lợi bị cáo đã mua lại máy xe trên để sử dụng. Tổng trị tài sản, bị cáo tiêu thụ theo kết luận định giá là 85.244.500 đồng. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[1.3] Đối với bị cáo Triệu Văn Ú: Tuy không hứa hẹn trước nhưng bị cáo biết rõ việc bị cáo A kêu bị cáo đến ngã ba L thuộc ấp L, xã P vào lúc 03 giờ sáng ngày 26/6/2024 để mua 01 máy nổ hiệu Honda 13.0Hp và nhận giữ 01 máy nổ GB460E là tài sản do các bị cáo A, D1, L phạm tội mà có, nhưng vì ham lợi và tình nghĩa, bị cáo đã mua và giữ giúp các tài sản nêu trên. Trị giá tài sản bị cáo tiêu thụ theo kết luận định giá là 8.775.000 đồng (tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và trị giá tài sản bị cáo chứa chấp theo kết luận định giá là 12.600.000 đồng. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử bị cáo Ú về các tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[1.4] Đối với bị cáo Đỗ Văn H: Tuy không hứa hẹn trước nhưng bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi nhận cất giữ tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, cụ thể: (1) Vào lúc 02 giờ 52 phút sáng ngày 13/6/2024, bị cáo nhận giữ 01 máy ca nô 115CV cùng vô lăng (tài sản này các bị cáo A, D1, L thực hiện lấy trộm của ông Hồng Thi K2) và (2) nhận giữ 13 cái motor, 02 cái superland (máy tạo oxy) vào lúc 03 giờ sáng ngày 02/8/2024 (tài sản do các bị cáo P, A, D1 và L lấy trộm của ông Mạch Văn N2). Tổng trị giá tài sản bị cáo chứa chấp theo kết luận định giá là 84.287.310 đồng. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử bị cáo H về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong đó, hành vi ở tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” thuộc tội phạm rất nghiêm trọng; hành vi ở tội “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo A, D1, L, P chiếm đoạt tài sản tài sản của người khác, các bị cáo Phận, Ú và H chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội bị xử lý và phải chịu hình phạt theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo A: Bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp cùng các bị cáo D1, L thực hiện việc trộm cắp 05 vụ, cướp tài sản 02 vụ, bán tài sản và chia tiền cho các bị cáo D1, L. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Đầu thú trong vụ trộm lú quế; Đã nộp lại tiền thu lợi bất chính. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp và cướp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, xử phạt bị cáo 09 (năm) tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm

tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có nộp tiền khắc phục hậu quả và tiền thu lợi bất chính theo như quyết định của án sơ thẩm. Tuy nhiên, cũng không làm thay đổi mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo D1: Bị cáo thực hiện việc lấy trộm tài sản 06 vụ, trong đó có vụ trộm cùng bị cáo P2, bị cáo D1 là người khởi xướng; 05 vụ còn lại bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và 02 vụ thực hiện hành vi cướp tài sản cùng với bị cáo A và L. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; ông nội và ông ngoại bị cáo có công với cách mạng. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp và cướp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[3.3] Đối với bị cáo L: Bị cáo trực tiếp thực hiện việc lấy trộm tài sản 04 vụ và 02 vụ thực hiện hành vi cướp tài sản cùng với bị cáo A và bị cáo D1. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp và cướp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xác định trong số tiền gia đình bị cáo A nộp khắc phục hậu quả sau khi xét xử sơ thẩm là có phần của gia đình bị cáo (được bị cáo A thừa nhận tại phiên tòa). Tuy nhiên, cũng không làm thay đổi mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo P: Bị cáo trực tiếp chỉ và thực hiện lấy trộm tài sản 01 vụ và 02 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; có chú ruột gồm ông Phan Tứ P4, cậu ruột gồm ông Hồ Công Đ3 và Hồ Thanh T8 tham gia cách mạng. Bị cáo 02 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[3.5] Đối với bị cáo Ú và bị cáo H: Các bị cáo tuy không hứa hẹn trước nhưng biết tài sản là do phạm tội mà có vẫn thực hiện việc mua bán, cất giữ. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H có 02 lần chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nên phải

chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Trị giá các tài sản mà bị cáo H chứa chấp gấp gần 04 lần trị giá các tài sản mà bị cáo Ú tiêu thụ và chứa chấp. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ú 09 (chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Ú, H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong đó, đối với bị cáo Ú thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn (Gia đình thuộc diện cận nghèo năm 2025 có xác nhận của chính quyền địa phương; mẹ ruột là người khuyết tật được hưởng trợ cấp hàng tháng, mắc nhiều chứng bệnh); bị cáo H trình bày có cậu ruột tên Trần Văn L9 là liệt sĩ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng không được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. Tuy nhiên, lý do mà các bị cáo đặt ra cũng không làm thay đổi mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với bị cáo H, nhưng lại xác định thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án là không đúng quy định cần được điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận; ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Ú không được chấp nhận.

[5] Về phân trách nhiệm dân sự:

Cấp sơ thẩm buộc các bị cáo A, D1 và L phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền 11.644.500 đồng, gồm: ông Huỳnh Văn K3 số tiền 6.000.000 đồng, ông Kim Hoài N3 số tiền 3.147.000 đồng, ông Kim Khánh D1 số tiền 2.497.500 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại không xác định trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo không đúng quy định tại Điều 587 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, cần được rút kinh nghiệm.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo A đã nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền còn lại cho các bị hại và nộp tiền thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm được ghi nhận và được đối chiếu ở giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí:

Do cấp sơ thẩm không xác định trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo A, D1 và L dẫn đến việc xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự đối với bị cáo không đúng, trong khi gia đình bị cáo D1 đã nộp khắc phục hậu quả xong phần trách nhiệm của bị cáo ở giai đoạn sơ thẩm. Do đó, cần được điều chỉnh lại phần án phí dân sự đối với các bị cáo cho phù hợp.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo A, D1, L, P và H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với bị cáo Ú thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn A, Phạm Nhật D, Trương Hùng L, Phan Văn P, Triệu Văn Ú và Đỗ Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số

36/2025/HS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phần hình phạt.

2. Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

2.1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn A 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/8/2024;

2.2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Nhật D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/8/2024;

2.3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Hùng L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/8/2024;

2.4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”) và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/8/2024;

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn Ú 09 (chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2024;

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2024 đến ngày 07/11/2024.

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Căn cứ vào các điều 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Đỗ Văn A, Phạm Nhật D và Trương Hùng L cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm: Bồi thường cho ông Huỳnh Văn K3 số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng; bồi thường cho ông Kim Hoài N3 số tiền 3.147.000 (ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng và bồi thường cho ông Kim Khánh D1 số tiền 2.497.500 (hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Trong đó, phần bồi thường của mỗi bị cáo là 3.881.500 (ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau quản lý và xử lý số tiền 7.644.500 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm) đồng do gia đình bị cáo Đỗ Văn A nộp khắc phục theo Biên lai thu tiền số 0000842 ngày 16/12/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau phát hành để bảo đảm cho việc thi hành án đối với các bị cáo.

Giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau quản lý và xử lý số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng do gia đình bị cáo Phạm Nhật D nộp khắc phục theo Biên lai thu tiền số 0002948 ngày 24/12/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước phát hành để bảo đảm cho việc thi hành án đối với các bị cáo.

3.2. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn A nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.350.000 (ba triệu ba trăm năm chục nghìn) đồng. Bị cáo A đã nộp xong số tiền này tại Biên lai thu tiền số 0000841 ngày 16/12/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau phát hành.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo A và L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/bị cáo án phí dân sự sơ thẩm;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Ú;

Các bị cáo A, D, L, P và H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/bị cáo án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3-CM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-CM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-CM;
- Công an các xã Phú Tân, Phú Mỹ, Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế